

Bản án số: 150/2017/HSST
Ngày: 27/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Luật.

Các Hội thẩm Nhân dân:

1/Ông Nguyễn Tuấn Minh.

2/Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:

- Ông Nguyễn Hiếu - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 10.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

- Bà Trần Thị Hương Lan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 9 năm 2017, 27 tháng 9 năm 2017 (tuyên án), tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10 địa chỉ: 27 đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số: 121/2017/HSST ngày 07 tháng 9 năm 2017 đối với các bị cáo:

1/Lê Trương L (tên gọi khác: Ben) - Giới tính: Nam; sinh năm: 1990 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: Đường T, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: chạy xe ôm (GrabBike); trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Lê Trung Đ; và bà: Vũ Thị T; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt giữ ngày: 29/12/2016.

2/Bùi Trọng N - Giới tính: Nam; sinh năm: 1993 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: Đường B, Phường H, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: làm công; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Bùi Tấn K (không xác định năm sinh, do đã bỏ đi từ khi bị cáo còn nhỏ); và bà: La Yến V; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt giữ ngày: 29/12/2016.

3/Lê Hữu H (tên gọi khác: Cò) - Giới tính: Nam; sinh năm: 1990 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: Đường T, Phường L, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Lê Hữu T; và bà: Phạm Thị Hồng T; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt giữ ngày: 29/12/2016.

4/Nguyễn Trường A (tên gọi khác: Hậu) - Giới tính: Nam; sinh năm: 1995 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: Đường T, Phường L, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; con ông: Nguyễn Trường T (chết); và bà: Nguyễn Thị Đoàn Hồng N; tiền án: không; tiền sự: 03 (ngày 17/6/2016 bị Công an Phường 13, Quận 11 xử phạt 750.000 đồng về hành vi “ Sử dụng trái phép chất ma túy” theo quyết định số 0014412/QĐ-XPHC; ngày 04/7/2016 bị Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 10 quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn trong thời gian 06 tháng theo quyết định số 372/QĐ-UBND; ngày 18/8/2016 bị Công an Phường 14, Quận 10 xử phạt 750.000 đồng về hành vi “ Sử dụng trái phép chất ma túy” theo quyết định số 0043984/QĐ-XPHC); bị bắt giữ ngày: 29/12/2016.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

NLQ – Sinh năm: 1955 (có mặt).

Thường trú: Đường B, Phường H, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo bị Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 12 giờ 00 ngày 29/12/2016, tại trước nhà số 01 đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, lực lượng tuần tra Công an Quận 10 bắt quả tang Nguyễn Trường A đang bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Bảo A1; thu giữ của A: 01 gói nylon chứa tinh thể rắn không màu (để bán cho người khác), 300.000 đồng (vừa nhận từ A1) và 01 điện thoại di động hiệu Nokia có số thuê bao 0901414120; thu giữ của A1: 01 gói nylon chứa tinh thể rắn không màu (vừa nhận từ An); đồng thời tiến hành khám xét nơi ở của A tại Đường T, Phường L, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh, thu giữ: 01 gói nylon bên trong chứa tinh thể rắn không màu (để bán cho người khác), 01 bộ dụng cụ để sử dụng ma túy. Vụ việc được Công an Phường 14, Quận 10 lập hồ sơ ban đầu, sau đó chuyển đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 điều tra, làm rõ.

Qua điều tra mở rộng trên cơ sở nội dung lời khai của Nguyễn Trường A:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 29/12/2016, tại ngã tư đường 3/2 đường Nguyễn Ngọc Lộc, Phường 14, Quận 10, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an Quận 10 kiểm tra hành chính Bùi Trọng N và Lê Đức M, thu giữ của N: 01 gói nylon chứa tinh thể rắn không màu (để bán cho người khác theo sự điều hành của Lê Trương L), 01 điện thoại di động hiệu Iphone có số thuê bao 01265572704, 01 xe mô tô biển số 59L1-177.67. Vụ việc được Công an Phường 14, Quận 10 lập hồ sơ ban đầu, sau đó chuyển đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 điều tra, làm rõ.

Khoảng 15 giờ 00 ngày 29/12/2016, tại phòng 203 khách sạn “Minh Châu” số 666/46/39 đường 3/2, Phường 14, Quận 10, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an Quận 10 phối hợp với Công an Phường 14, Quận 10 kiểm tra hành chính, phát hiện bên trong phòng có: Lê Hữu H và Nguyễn Thị Phương D, thu giữ của H 07 gói nylon chứa tinh thể rắn không màu (theo H khai vừa mua của Lê Trương L, nhờ N giao); số ma túy này H dùng để bán lại cho A hoặc người khác, 01 cân điện tử, 01 điện thoại di động hiệu Iphone có số thuê bao 0909167866. Vụ việc được Công an Phường

14, Quận 10 lập hồ sơ ban đầu, sau đó chuyển đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 điều tra, làm rõ.

Trên cơ sở lời khai và thông tin mà Lê Hữu H, Bùi Trọng N cung cấp:

Khoảng 16 giờ 00 ngày 29/12/2016, tại trước nhà số 570 đường Bà Hạt, Phường 6, Quận 10, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an Quận 10 kiểm tra Lê Trương L, thu giữ của L: 03 gói nylon chứa tinh thể không màu (để bán cho người khác), 01 điện thoại di động hiệu Samsung có số thuê bao 01264613869 và 5.994.000 đồng. Khám xét nơi ở của L tại Đường T, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh, tiếp tục thu giữ 02 gói nylon bên trong chứa tinh thể rắn không màu (để bán cho người khác), 01 bộ dụng cụ để sử dụng ma túy và 01 cân điện tử. Vụ việc được Công an Phường 6, Quận 10 lập hồ sơ ban đầu, sau đó chuyển đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 điều tra, làm rõ.

Tại các Kết luận giám định số 245/KLGD-H, 246/KLGD-H, 247/KLGD-H, 248/KLGD-H ngày 09/01/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- 02 gói nylon bên trong chứa tinh thể không màu thu giữ của An là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 1,4447g, loại Methamphetamine; 01 gói nylon bên trong chứa tinh thể không màu thu giữ của A1 là ma túy ở thể rắn có khối lượng 0,0672g, loại Methamphetamine.

- 07 gói nylon bên trong chứa tinh thể không màu thu giữ của H là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 9,8695g, loại Methamphetamine.

- 01 gói nylon bên trong chứa tinh thể không màu thu giữ của N là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 4,9370g, loại Methamphetamine.

- 05 gói nylon bên trong chứa tinh thể không màu thu giữ của L là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng là 31,0706g, loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra, xác định như sau:

Khoảng 11 giờ 35 phút ngày 29/12/2016, Nguyễn Bảo A1 ngồi uống cà phê cùng một đối tượng tên Đ (không rõ lai lịch, địa chỉ) trên đường Nguyễn Trãi, Quận 5, Đ nhờ A1 mua giùm ma túy, A1 đồng ý; A1 gọi điện thoại hỏi mua ma túy của A với giá 300.000 đồng, A đồng ý bán và hẹn địa điểm giao ma túy tại trước nhà số 01 đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10; đến 12 giờ 00 cùng ngày, khi A đang bán ma túy cho A1 thì bị bắt như trên; cả A1 và A đều khai mua bán ma túy tổng cộng 03 lần [lần 1 và lần 2: A1 mua giùm một đối tượng tên T (không rõ lai lịch, địa chỉ) tại trước nhà số Đường T, Phường L, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh vào các ngày 27, 28/12/2016]; A khai số ma túy bị thu giữ là mua của Lê Hữu H; tính đến ngày bị bắt, A mua bán ma túy được khoảng 03 tháng và thu lợi bất chính 900.000 đồng, đã tiêu xài cá nhân hết; A mua ma túy của H tổng cộng 3 lần (lần 1: vào lúc 14 giờ 00 ngày 23/12/2016 với giá 600.000 đồng, lần 2: vào lúc 20 giờ ngày 25/12/2016 với giá 900.000 đồng, lần 3 vào ngày 29/12/2016, tất cả 03 lần đều mua tại trước nhà số Đường T, Phường L, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 1.500.000 đồng). Về phía H xác nhận lời khai của A là đúng sự thật, H và D bắt đầu thuê phòng 203 khách sạn “Minh Châu” – địa chỉ: 666/46/39 đường 3/2, Phường 14, Quận 10 từ ngày 28/02/2016; tính đến ngày bị bắt, H bán ma túy được khoảng 03 tháng và thu lợi bất chính 300.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết; H thường mua ma túy của Lê Trương L 10 lần (có lúc L giao trực tiếp 06 lần và có lúc nhờ Bùi Trọng N giao cho H 04 lần) và

H để bán lại cho các người nghiện; riêng D không biết hành vi phạm tội của H, cụ thể các lần H đều trực tiếp liên hệ L để mua ma túy, cụ thể như sau: [L nhờ N giao: lần 1, lần 2 vào lúc 16 giờ 30 phút vào các ngày 13, 16/12/2016 tại khách sạn Minh Châu số 666/46/39 đường 3/2, Phường 14, Quận 10 với mức giá lần lượt là 2.700.000 đồng, 1.350.000 đồng; lần 3, lần 4 vào ngày 29/12/2016 cũng tại khách sạn Minh Châu với giá mỗi lần mua là 2.700.000 đồng. Các lần L trực tiếp giao: lần 1, lần 2, lần 3 vào lúc 16 giờ vào các ngày 07, 13, 19/12/2016 tại quán bida Sao số 22 đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10 lần lượt với giá 900.000 đồng, 900.000 đồng và 2.700.000 đồng; lần 4, lần 5, lần 6 vào lúc 04 giờ 00 ngày 04/12/2016, lúc 16 giờ vào các ngày 10, 16/12/2016 tại khách sạn Biển Xanh trên đường Trần Thiện Chánh, Phường 12, Quận 10 với giá mỗi lần mua là 1.350.000 đồng). Về phía L và N đều xác định lời khai của H là đúng. Khoảng 12 giờ 50 phút ngày 29/12/2016, N đang chơi game cùng M trên đường Hòa Hảo, Quận 10 thì nhận được điện thoại của H hỏi mua 01 hộp 5 ma túy với giá 2.700.000 đồng, N đồng ý bán và hẹn địa điểm giao ma túy tại phòng 203 khách sạn “Minh Châu” – địa chỉ: 666/46/39 đường 3/2, Phường 14, Quận 10; sau đó, N gọi điện thoại cho Lê Trương L nói H muốn mua ma túy; L đồng ý bán cho H và đến tiệm game đưa cho N 02 gói ma túy (M không biết sự việc trên); L dẫn N: 01 gói bán cho H, còn 01 gói bán cho các con nghiện khác (có gì L sẽ gọi); N nhờ M điều khiển xe mô tô biển số 59L1-177.67 chở đến điểm hẹn gặp H (nhưng không nói cho M biết là đi đâu); đến khách sạn “Minh Châu”, M đứng đợi trước cửa, còn N lên phòng 203 giao ma túy cho H; sau đó, M điều khiển xe chở N đến ngã tư đường 3/2 – đường Nguyễn Ngọc Lộc, Phường 14, Quận 10 thì bị bắt như trên; N khai bán hộ ma túy cho L được khoảng 01 tháng, mỗi lần bán được L trả công từ 100.000 đồng - 200.000 đồng; L giao ma túy cho N 04 lần vào các ngày 07, 13, 16 và 29/12/2016 tại nhà số 399/36 Lý Thái Tổ, Phường 9, Quận 10 để N giao cho H tổng cộng 04 lần, thu lợi bất chính tổng cộng 600.000 đồng; số tiền này, N đã tiêu xài hết. L có mối quan hệ quen biết với Lê Hữu H và Bùi Trọng N từ trước, L thường mua ma túy của một đối tượng tên C (không rõ lai lịch, địa chỉ), L thừa nhận đã trực tiếp bán ma túy với H 06 lần và giao ma túy cho N bán hộ cho H 04 lần; lời khai của L phù hợp với lời khai của H và N; L bắt đầu bán ma túy từ tháng 8/2016 và thu lợi bất chính 6.500.000 đồng đã tiêu xài một phần (còn lại 5.994.000 đồng đã bị thu giữ).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã quyết định khởi tố điều tra đối với Lê Trương L, Bùi Trọng N, Lê Hữu H, Nguyễn Trường A về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Đối với Nguyễn Thị Phương D và Lê Đức M, do không biết hành vi phạm tội của Lê Hữu H, Bùi Trọng N nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 không xử lý là có cơ sở.

Đối với Nguyễn Bảo A1 thì hành vi chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã chuyển xử lý hành chính.

Riêng đối tượng tên C (không rõ lai lịch, địa chỉ), cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 tiếp tục truy xét, khi nào bắt được xử lý sau.

Đối 01 xe mô tô biển số 59L1-177.67 thu giữ của N; qua xác minh được biết người đứng tên giấy đăng ký xe là bị cáo Bùi Trọng N; nhưng nguồn gốc là của bà NLQ (mẹ của N) bỏ tiền ra trực tiếp mua và nhờ N đứng tên giùm, phù hợp với thông tin cung cấp của chủ xe (đã bán cho bà NLQ) là ông Nguyễn Tấn Đ, lời khai của bị cáo N. Ngày 29/12/2016, N sử dụng chiếc xe trên để thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, hiện Công an Quận 10 đã tạm giữ lại.

Tại bản cáo trạng số 81/CT.VKS ngày 07 tháng 9 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 Thành Phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

- Lê Trương L về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, m khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009).

- Bùi Trọng N, Lê Hữu H, Nguyễn Trường A về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa hôm nay:

Các bị cáo Lê Trương L, Bùi Trọng N, Lê Hữu H đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình giống như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; về phía bà NLQ cũng trình bày lời khai của mình, cung cấp chứng cứ và xin nhận lại chiếc xe để làm phương tiện đi lại duy nhất trong cuộc sống hằng ngày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, sau khi nêu lên những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo (thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, các bị cáo Bùi Trọng N, Lê Hữu H, Nguyễn Trường A đều tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra phát hiện tội phạm, bị cáo N phạm tội vì hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn [cha của bị cáo đã bỏ đi khi bị cáo còn rất nhỏ, mẹ bị bệnh thái hóa hai khớp gối, thuần năng tuần hoàn não và không thể đi lại bình thường như bao người khác, bị cáo là con duy nhất và cũng là lao động duy nhất nuôi mẹ của mình), bị cáo H thì hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương), gia đình đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính trong khi đó bản thân bị cáo bị một phần khiếm khuyết cơ thể do di chứng bệnh để lại (bị hoại tử và phải cắt bỏ một tinh hoàn), bị cáo A từng có thời gian cống hiến trong lực lượng Quân đội nhân dân Việt Nam] và nhân thân, vai trò, hành vi của từng bị cáo; đã đề nghị áp dụng điểm b, m khoản 2, 5 Điều 194; điểm p, q, e khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) tương ứng đối với từng bị cáo; xử phạt: bị cáo Lê Trương L từ 09 năm đến 09 năm 06 tháng tù, bị cáo Bùi Trọng N từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù, bị cáo Lê Hữu H và Nguyễn Trường A từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù, đồng thời áp dụng hình phạt bổ sung tương ứng đối với từng bị cáo, từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Về vật chứng:

Đối với: 02 gói được niêm phong (bên trong mỗi gói có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký ghi tên Nguyễn Trường A và hình dấu Công an Phường 14, Quận 10); 01 gói được niêm phong (bên trong có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký ghi tên Nguyễn Bảo A1 và hình dấu Công an Phường 14, Quận 10); 01 gói được niêm phong (bên trong có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký ghi tên Bùi Trọng N và hình dấu Công an Phường 14, Quận 10); 01 gói được niêm phong (bên trong có 07 gói nylon chứa tinh thể không màu, bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký ghi tên Lê Hữu H và hình dấu Công an Phường 14, Quận 10); 01 gói được niêm phong

(bên trong có 03 gói nylon chứa tinh thể không màu, bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký ghi tên Lê Trương L và hình dấu Công an Phường 6, Quận 10); là vật lưu hành bất hợp pháp; đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; tịch thu, tiêu hủy.

Đối với: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia màu đen (Số thuê bao: 0901414120), 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng (Số thuê bao: 01265572704), 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng (Số thuê bao: 09090167816), 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu bạc (Số thuê bao: 01264613869), 02 chiếc cân điện tử; là phương tiện dùng vào việc mua bán trái phép chất ma túy; vậy đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

Đối với: 02 bộ dụng cụ tự chế (để sử dụng ma túy); không đáng giá trị; vậy đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; tịch thu và tiêu hủy.

Đối với: 01 xe mô tô biển số 59L1-177.67 (loại xe: Hai bánh, nhãn hiệu: YAMAHA, số khung: RLCL44S10BY028865, số máy: 44S1-028865) thu giữ của N; qua xác minh được biết người đứng tên giấy đăng ký xe là bị cáo Bùi Trọng N; nhưng nguồn gốc là của bà NLQ bỏ tiền ra trực tiếp mua và nhờ N đứng tên giùm, phù hợp với thông tin cung cấp của chủ xe (đã bán cho bà NLQ) là ông Nguyễn Tấn Đ, lời khai của bị cáo N; ngày 29/12/2016, N sử dụng chiếc xe trên để thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy, bà NLQ không biết; do vậy đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, trả lại chiếc xe trên cho bà NLQ.

Về khoản tiền thu lợi bất chính:

- Theo bị cáo L: trong thời gian mua bán trái phép chất ma túy, thu lợi bất chính 6.500.000 đồng đã tiêu xài một phần 506.000 đồng (còn lại 5.994.000 đồng đã bị thu giữ).

- Theo bị cáo N khai: trong thời gian phụ L mua bán ma túy, thì bị cáo thu lợi bất chính được 600.000 đồng, đã tiêu xài hết.

- Theo bị cáo H khai: trong thời gian mua bán ma túy, thì bị cáo thu lợi bất chính được 300.000 đồng, đã tiêu xài hết [bà Phạm Thị Hồng T (mẹ của bị cáo Lê Hữu H) đã tự nguyện nộp lại số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng (tại biên lai thu tiền số: 05436 ngày 22/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tạm thu để đảm bảo việc thi hành án về phần tiền thu lợi bất chính của bị cáo Lê Hữu H theo Lệnh kê biên số 02/2017/LKB-HS ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở xét đơn tự nguyện của Phạm Thị Hồng T].

- Theo bị cáo A khai: trong thời gian mua bán ma túy, thì bị cáo thu lợi bất chính được 900.000 đồng, đã tiêu xài hết.

Vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; tịch thu, sung quỹ Nhà nước các khoản tiền trên, các bị cáo có trách nhiệm tương ứng giao nộp lại đối với những khoản chưa được thu giữ.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình; qua lời khai nhận tội của các bị cáo đối chiếu với nội dung các biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng, các bản kết luận giám định cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án là phù hợp, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận: Lê Trương L, Bùi Trọng N, Lê Hữu H, Nguyễn Trường A phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Ma túy là mối hiểm họa cho gia đình và xã hội, nó đã lây lan và phát triển một cách nghiêm trọng, làm suy đồi và băng hoại nhân cách con người, là một trong những nguyên nhân dẫn đến các tội phạm hình sự khác; trong khi chính quyền nhân dân các cấp đang ra sức thực hiện mục tiêu 3 giảm: “Giảm ma túy, giảm mại dâm, giảm tội phạm”; nhưng các bị cáo đã đi ngược lại mục tiêu chung trên, cụ thể:

- Đối với bị cáo Lê Trương L: có cơ sở xác định đã mua bán trái phép: 31,0706g (thu giữ từ Lê Trương L) + 1,4447g (thu giữ từ Nguyễn Trường A) + 0,0672g (thu giữ từ Nguyễn Bảo A1) + 9,8695g (thu giữ từ Lê Hữu H) + 4,9370g (thu giữ từ Bùi Trọng N) = 47,389g Methamphetamine.

- Đối với bị cáo Bùi Trọng N: có cơ sở xác định đã mua bán trái phép: 4,9370g (thu giữ từ Bùi Trọng N) + 1,4447g (thu giữ từ Nguyễn Trường A) + 0,0672g (thu giữ từ Nguyễn Bảo A1) + 9,8695g (thu giữ từ Lê Hữu H) = 16,3184g Methamphetamine.

- Đối với bị cáo Lê Hữu H: có cơ sở xác định đã mua bán trái phép: 9,8695g (thu giữ từ Lê Hữu H) + 1,4447g (thu giữ từ Nguyễn Trường A) + 0,0672g (thu giữ từ Nguyễn Bảo A1) = 11,3814g Methamphetamine.

- Đối với bị cáo Nguyễn Trường A: có cơ sở xác định đã mua bán trái phép: 1,4447g (thu giữ từ Nguyễn Trường A) + 0,0672g (thu giữ từ Nguyễn Bảo A1) = 1,5119g Methamphetamine.

Chiếu theo danh mục các chất ma túy và tiền chất ban hành theo Nghị định số: 82/2013/NĐ - CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ thì đó là chất ma túy, thậm chí có cơ sở xác định bị cáo thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhiều lần, nên:

- Bị cáo Lê Trương L bị truy tố và xét xử theo điểm b, m khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009).

- Các bị cáo (Bùi Trọng N, Lê Hữu H, Nguyễn Trường A) bị truy tố và xét xử theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009).

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; trong vụ án này bị cáo L là người bán lại ma túy cho H và những người khác (khi có nhu cầu) và nhờ N giúp sức giao ma túy giúp trong một số trường hợp cụ thể theo yêu cầu của L, để H

bán lại cho A và những người khác (khi có nhu cầu), để A bán lại cho A1 và những người khác (khi có nhu cầu); ngoài ra đối với bị cáo A còn có đặc điểm nhân thân: ngày 17/6/2016 bị Công an Phường 13, Quận 11 xử phạt 750.000 đồng về hành vi “ Sử dụng trái phép chất ma túy”, ngày 04/7/2016 bị Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 10 quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn trong thời gian 06 tháng, ngày 18/8/2016 bị Công an Phường 14, Quận 10 xử phạt 750.000 đồng về hành vi “ Sử dụng trái phép chất ma túy”, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm để tu dưỡng bản thân mà tiếp tục phạm pháp. Do vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải bị xử phạt bằng luật hình với mức hình phạt tương xứng nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, cụ thể cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục các bị cáo thành người tốt cho xã hội; ngoài ra áp dụng khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009), phạt bổ sung đối với từng bị cáo các khoản tiền tương ứng để sung quỹ Nhà nước.

Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, các bị cáo Bùi Trọng N, Lê Hữu H, Nguyễn Trường A còn có những tình tiết giảm nhẹ khác, cụ thể: các bị cáo đều tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra phát hiện tội phạm, bị cáo N, H phạm tội vì hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn (đối với bị cáo H có xác nhận của chính quyền địa phương, hoàn cảnh bị cáo N: cha của bị cáo đã bỏ đi khi bị cáo còn rất nhỏ, mẹ bị bệnh thái hóa hai khớp gối, thiếu năng tuần hoàn não và không thể đi lại và sinh hoạt bình thường như bao người khác, bị cáo là con duy nhất và cũng là lao động duy nhất nuôi mẹ của mình), gia đình bị cáo H đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính trong khi đó bản thân bị cáo H bị một phần khiếm khuyết cơ thể (do di chứng bệnh để lại: bị hoại tử và phải cắt bỏ một tinh hoàn), bị cáo A từng có thời gian cống hiến trong lực lượng Quân đội nhân dân Việt Nam; đó là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p, q, e khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009) mà Hội đồng xét xử sẽ áp dụng tương ứng đối từng bị cáo như đã phân tích trên, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho từng bị cáo; đồng thời đối chiếu với vai trò của bị cáo N, H và A, đồng thời lại có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009); nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009) xem xét xử các bị cáo N, H, A mức án dưới thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009) như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 đã nêu trong phần luận tội.

Về vật chứng:

Đối với: 02 gói được niêm phong (bên trong mỗi gói có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký ghi tên Nguyễn Trường A và hình dấu Công an Phường 14, Quận 10); 01 gói được niêm phong (bên trong có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký ghi tên Nguyễn Bảo A1 và hình dấu Công an Phường 14, Quận 10); 01 gói được niêm phong (bên trong có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký ghi tên Bùi Trọng N và hình dấu Công an Phường 14, Quận 10); 01 gói được niêm phong (bên trong có 07 gói nylon chứa tinh thể không màu, bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký ghi tên Lê Hữu H và hình dấu Công an Phường 14, Quận 10); 01 gói được niêm phong (bên trong có 03 gói nylon chứa tinh thể không màu, bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký ghi tên Lê Trương L và hình dấu Công an Phường 6, Quận 10); là vật lưu hành bất hợp

pháp; áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; tịch thu, tiêu hủy.

Đối với: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia màu đen (Số thuê bao: 0901414120), 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng (Số thuê bao: 01265572704), 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng (Số thuê bao: 09090167816), 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu bạc (Số thuê bao: 01264613869), 02 chiếc cân điện tử; là phương tiện dùng vào việc mua bán trái phép chất ma túy; vậy áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

Đối với: 02 bộ dụng cụ tự chế (để sử dụng ma túy); không đáng giá trị; vậy áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; tịch thu và tiêu hủy.

Đối với: 01 xe mô tô biển số 59L1-177.67 (loại xe: Hai bánh, nhãn hiệu: YAMAHA, số khung: RLCL44S10BY028865, số máy: 44S1-028865) thu giữ của N; qua xác minh được biết người đứng tên giấy đăng ký xe là bị cáo Bùi Trọng N; nhưng nguồn gốc là của bà NLQ bỏ tiền ra trực tiếp mua và nhờ N đứng tên giùm, phù hợp với thông tin cung cấp của chủ xe (đã bán cho bà V) là ông Nguyễn Tấn Đ, lời khai của bị cáo N; ngày 29/12/2016, N sử dụng chiếc xe trên để thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy, bà V không biết; do vậy áp dụng điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, trả lại chiếc xe trên cho bà NLQ.

Về khoản tiền thu lợi bất chính:

- Theo bị cáo L: trong thời gian mua bán trái phép chất ma túy, thu lợi bất chính 6.500.000 đồng đã tiêu xài một phần 506.000 đồng (còn lại 5.994.000 đồng đã bị thu giữ).

- Theo bị cáo N khai: trong thời gian phụ L mua bán ma túy, thì bị cáo thu lợi bất chính được 600.000 đồng, đã tiêu xài hết.

- Theo bị cáo H khai: trong thời gian mua bán ma túy, thì bị cáo thu lợi bất chính được 300.000 đồng, đã tiêu xài hết [bà Phạm Thị Hồng T (mẹ của bị cáo Lê Hữu H) đã tự nguyện nộp lại số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng (tại biên lai thu tiền số: 05436 ngày 22/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tạm thu để đảm bảo việc thi hành án về phần tiền thu lợi bất chính của bị cáo Lê Hữu H theo Lệnh kê biên số 02/2017/LKB-HS ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở xét đơn tự nguyện của Phạm Thị Hồng T].

- Theo bị cáo A khai: trong thời gian mua bán ma túy, thì bị cáo thu lợi bất chính được 900.000 đồng, đã tiêu xài hết.

Vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; tịch thu, sung quỹ Nhà nước các khoản tiền trên, các bị cáo có trách nhiệm tương ứng giao nộp lại đối với những khoản chưa được thu giữ.

Về án phí hình sự sơ thẩm: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

Các bị cáo Lê Trương L, Bùi Trọng N, Lê Hữu H, Nguyễn Trường A phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm b, m khoản 2, 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 45; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Lê Trương L;

Xử phạt bị cáo Lê Trương L 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/12/2016.

Phạt bổ sung bị cáo L 10.000.000 (mười triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng điểm b khoản 2, 5 Điều 194; điểm p, q, e khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 45; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Bùi Trọng N;

Xử phạt bị cáo Bùi Trọng N 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/12/2016.

Phạt bổ sung bị cáo N 5.000.000 (năm triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng điểm b khoản 2, 5 Điều 194; điểm p, q, e khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47; Điều 45; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Lê Hữu H;

Xử phạt bị cáo Lê Hữu H 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/12/2016.

Phạt bổ sung bị cáo H 5.000.000 (năm triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng điểm b khoản 2, 5 Điều 194; điểm p, q khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47; Điều 45; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Nguyễn Trường A;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường A 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/12/2016.

Phạt bổ sung bị cáo A 5.000.000 (năm triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, tịch thu, tiêu hủy: 02 gói được niêm phong (bên trong mỗi gói có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký ghi tên Nguyễn Trường A và hình dấu Công an Phường 14, Quận 10); 01 gói được niêm phong (bên trong có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký ghi tên Nguyễn Bảo A1 và hình dấu Công an Phường 14, Quận 10); 01 gói được niêm phong (bên trong có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký ghi tên Bùi Trọng N và hình dấu Công an Phường 14, Quận 10); 01 gói được niêm phong (bên trong có 07 gói nylon chứa tinh thể không màu, bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký ghi tên Lê Hữu H và hình dấu Công an Phường 14, Quận 10); 01 gói được niêm phong (bên trong có

03 gói nylon chứa tinh thể không màu, bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký ghi tên Lê Trương L và hình dấu Công an Phường 6, Quận 10).

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; tịch thu, sung quỹ Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia màu đen (Số thuê bao: 0901414120), 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng (Số thuê bao: 01265572704), 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng (Số thuê bao: 09090167816), 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu bạc (Số thuê bao: 01264613869), 02 chiếc cân điện tử.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; tịch thu và tiêu hủy: 02 bộ dụng cụ tự chế (để sử dụng ma túy).

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, trả lại chiếc xe trên cho bà NLQ: 01 xe mô tô biển số 59L1-177.67 (loại xe: Hai bánh, nhãn hiệu: YAMAHA, số khung: RLCL44S10BY028865, số máy: 44S1-028865).

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; tịch thu, sung quỹ Nhà nước:

* 5.994.000 (năm triệu chín trăm chín mươi tư ngàn) đồng.

* 506.000 đồng (năm trăm lẻ sáu ngàn) đồng, bị cáo Lê Trương L có trách nhiệm giao nộp lại.

* 600.000 đồng (sáu trăm ngàn) đồng, bị cáo Bùi Trọng N có trách nhiệm giao nộp lại.

* 300.000 (ba trăm ngàn) đồng [bà Phạm Thị Hồng T (mẹ của bị cáo Lê Hữu H) đã tự nguyện nộp lại số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng (tại biên lai thu tiền số: 05436 ngày 22/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tạm thu để đảm bảo việc thi hành án về phần tiền thu lợi bất chính của bị cáo Lê Hữu H theo Lệnh kê biên số 02/2017/LKB-HS ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở xét đơn tự nguyện của Phạm Thị Hồng T].

* 900.000 đồng (chín trăm ngàn) đồng, bị cáo Nguyễn Trường A có trách nhiệm giao nộp lại.

(Tình trạng vật chứng Biên ban giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01/8/2017 giữa Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh)

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), cho đến khi thi hành xong các khoản tiền nêu trên, thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi nợ quá hạn của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc:

- Bị cáo L chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

- Bị cáo N chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.
- Bị cáo H chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.
- Bị cáo A chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với các bị cáo, người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tính từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp TP.HCM;
- Cục Hải quan TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Công an Q.10, PC.53;
- Chi cục Thuế Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Triệu Luật